TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2019
Về việc: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lều Văn Khế;
2. Bà Nguyễn Thị Hệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2019 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 08/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1980 - Có mặt.
HKTT: Đội M, thôn A 2, xã LP, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.
Địa chỉ: Thôn LH, xã HN, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Lều Văn T, sinh năm 1976 - Vắng mặt.
Trú tại: Đội M, thôn A 2, xã LP, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng:
1. Bà Lê Thị M, sinh năm 1948 - Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn PT, xã PC, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.
2. Anh Lều Văn T2, sinh năm 1979 - Vắng mặt.
Địa chỉ: Đội M, thôn A 2, xã LP, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị D trình bầy:

Nguyên đơn chị Đỗ Thị D và bị đơn anh Lều Văn T đăng ký kết hôn với nhau năm 1998 tại UBND xã LP, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chị D ở cùng với bố mẹ anh T được gần một năm thì vợ chồng chị D xây nhà trên đất của bố mẹ chồng và ra ở riêng. Chị D làm công nhân may còn anh T làm thợ xây, vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm. Cách đây khoảng 10

năm chị D phát hiện anh T nghiện ma túy, hàng ngày anh T thường chửi bới chị D, tiền lương anh T dùng để mua ma túy sử dụng hết, tất cả mọi việc trong gia đình chị D phải lo liệu. Cách đây khoảng 4 năm chị D đã đưa các con đi thuê nhà ở và sống ly thân với anh T, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Khoảng tháng 7 năm 2017 chị D được biết anh T sử dụng thuốc nhiều nên bị lệ thuộc vào thuốc và nằm lê lết ở nhà, chị D và các con đã về nhà chăm sóc và chữa trị cho anh T, khi anh T đỡ thì chị D và các con lại về nhà thuê ở. Chị D về chăm sóc, chữa trị cho anh T là do thấy chết mà không cứu thì không được, thực chất tình cảm vợ chồng giữa chị D với anh T không còn. Nay chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lều Thị Bích L, sinh năm 1998 và Lều Văn T1, sinh năm 2000. Các cháu đều trên 18 tuổi nên chị D không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không đề nghị giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần ra giấy triệu tập anh T đến làm việc, tuy nhiên khi đến thì anh T đều không có nhà nên không thể giao giấy triệu tập cho anh T được, Tòa án đã giao giấy triệu anh T thông qua mẹ đẻ và em trai anh T nhưng những người này từ chối không nhận hộ với lý do anh T đã biết chị D có đơn xin ly hôn nhưng anh T không có ý kiến gì, để mặc Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án phải thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Do anh T không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai của anh T và cũng không tiến hành hòa giải được.

Phiên tòa ngày 26 tháng 3 năm 2019, bị đơn anh Lều Văn T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn chị Đỗ Thị D vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như đã nêu trên.

* Bị đơn anh Lều Văn T vắng mặt không có lý do.

* Quan điểm của đại diện VKSND thành phố H:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố H đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đ□a vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, Điều 189, Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX:

- Về hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị D được ly hôn anh Lều Văn T.
- Về con chung: Không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị D yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lều Văn T, sinh năm 1976, HKTT: Đội M, thôn A 2, xã LP, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành thụ lý đơn khởi kiện theo đúng quy định tại Điều 189 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình như không có mặt theo giấy triệu tập và không có mặt tại phiên tòa, đã vi phạm quy định tại điều 70 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị D và anh Lều Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã LP, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, nay là xã LP, thành phố H, tỉnh Hưng Yên ngày 06/3/1998, như vậy hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị D anh T sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng chị D được các cháu Lều Thị Bích L và Lều Văn T1 - là con chung của anh chị xác nhận: Khi chúng cháu còn đi học lớp 3 hoặc lớp 4 chúng cháu đã biết bố T nghiện ma túy. Bố T có đi làm nhưng cũng không phụ giúp gì được cho mẹ D về kinh tế vì bố nghiện ma túy. Cũng có thời gian bố T cai nghiện ma túy nhưng chẳng bao lâu lại mắc nghiện lại. Trong cuộc sống bố mẹ hay cãi nhau, nhiều lần bố xin tiền, mẹ D không cho thì lại cãi nhau. Cách đây khoảng 4 năm mẹ đưa hai chị em cháu về thuê nhà ở gần nhà ông bà ngoại để ở, chúng cháu không qua lại với bố. Hiện tại bố T vẫn nghiện ma túy (BL số 28).

Anh Lều Văn T2 - em trai anh T cung cấp: Anh T hiện ở một mình, vợ và các con anh T bỏ về nhà đẻ ở khoảng 4 đến 5 năm nay, không quan tâm đến anh T ăn ở ra sao. Anh T nghiện ma túy, đến nay vẫn còn nghiện. Khoảng 2 năm trước do anh T sử dụng thuốc quá liều nên sức khỏe yếu tưởng không qua khỏi, mẹ con chị D có về chăm sóc nhưng khi sức khỏe anh T tốt lên thì mẹ con chị D lại về nhà đẻ ở. Vợ chồng anh T mâu thuẫn về tình cảm là do anh T nghiện ma túy. Nay chị D xin ly hôn anh T, gia đình đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Anh T biết việc chị D xin ly hôn nhưng không nói gì (BL số 36).

Mẹ đẻ chị D - bà Lê Thị M cung cấp: Vợ chồng chị D sống hạnh phúc đến khi chị D sinh con thứ hai thì phát hiện anh T nghiện ma túy, chị D có hỏi thì anh T không nhận, còn mẹ anh T lại cho rằng chị D đổ oan cho anh T. Đến khi chị D tận mắt bắt gặp anh T trích ma túy vào người thì sau đó vợ chồng đánh cãi chửi nhau suốt ngày. Ban đầu thì anh T còn đi làm nhưng sau nghiện nặng thì hầu như không đi làm. Bản thân chị D đã bỏ về nhà bà M ở nhiều lần nhưng sau đó anh T đến xin lỗi thì hai vợ chồng lại về với nhau. Cách đây khoảng 5 năm, chị D mổ u xơ tử cung, gia đình chồng không ai quan tâm, anh T chỉ lên trong chốc lát rồi lại

đi. Sau khi ra viện chị D có về thu dọn quần áo và đưa các con về nhà bà M ở được một tháng rồi thuê nhà ở riêng. Anh T có xuống tìm gặp, chị D đã cai nghiện cho anh T nhưng không được, anh T xin tiền chị D không cho thì chửi chị D nên chị D cấm không cho anh T xuống nữa. Giữa chị D và anh T không ai quan tâm đến ai nữa (BL số 31).

Ông Hoàng Văn K - Trưởng thôn A 2 cũng cung cấp: Anh Lều Văn T nghiện ma túy cũng khá lâu, thời điểm từ sau khi anh T lấy chị D được một thời gian và vợ chồng đã sinh con. Từ năm 2016 thì chị D cùng các con về quê ngoại ở, không ở cùng anh T nữa, mẹ con chị D không hề qua lại với anh T. Thời gian gần đây chị D tổ chức lễ cưới cho con gái cũng không thông báo cho bên nhà anh T. Đối với anh T thì thường xuyên không có nhà, thường đi lang thang với nhóm bạn nghiện ma túy, anh T có về nhà chỉ để ngủ hoặc tụ tập nhóm bạn về nhà ngủ. Giờ giấc đi lại và sinh hoạt của anh T rất thất thường, không nắm bắt cụ thể được (BL số 37).

Từ những chứng cứ nêu trên xác định vợ chồng chị D và anh T mâu thuẫn từ sau khi chị D sinh cháu thứ hai, nguyên nhân là do anh T nghiện ma túy. Chị D đã nhiều lần cai nghiện cho anh T nhưng không có kết quả. Do nghiện ma túy nên anh T không đóng góp gì về kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau. Chị D đã nhiều lần về ở với bố mẹ đẻ nhưng do anh T xin lỗi nên vợ chồng lại về chung sống với nhau. Mặc dù chị D đã cai nghiện cho anh T nhưng không có kết quả nên cách đây khoảng 4 năm chị D đã đưa con về bên nhà ngoại thuê nhà ở và sống ly thân với anh T cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy xác định mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị D xin ly hôn anh T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Do cả hai con chung của vợ chồng chị D và anh T đều trên 18 tuổi, chị D không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không đề nghị giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Do không lấy được lời khai của anh T nên không xác định được quan điểm của anh T về tài sản chung và nợ chung. Do vậy HĐXX không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Nếu sau này anh T có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 147, Điều 189, Điều 195, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị D được ly hôn anh Lều Văn T.

2. Về con chung: Đều đã trưởng thành, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ chị D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000270 ngày 10/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Chị D đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lều Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND TPHưng Yên;
- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh H- ng Yên;
- THA dân sự TP Hưng Yên;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lý